

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT

Ngày 26-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung và thanh toán nghĩa vụ trả
nợ khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Chu Long Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 9
năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ trả nợ
khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 24
tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị
kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐ-PT ngày
15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn N. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh
Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Lâm T. Địa chỉ:
Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 06-8-2019: Giải
quyết về phần tài sản); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Triệu Thị
Kim L - Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có
mặt.

- Bị đơn: Bà Lưu Hồng T, tên gọi khác: Lưu Thị T. Địa chỉ: Thôn Đ, xã
Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tài H - Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Văn Đ; có mặt.
2. Anh Ngô Quang C; có mặt.
3. Anh Ngô Văn V; vắng mặt,
4. Chị Phùng Thị V; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của chị Phùng Thị V: Anh Ngô Văn Đ. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 26-9-2019); có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Ngô Văn N là nguyên đơn; bà Lưu Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Ngô Văn N và bà Lưu Hồng T chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996. Trước khi về chung sống với ông Ngô Văn N bà Lưu Thị T có một người con riêng là anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1992. Sau khi chung sống với ông Ngô Văn N, hai người có một người con chung là anh Ngô Quang C, sinh năm 1998. Sau nhiều năm chung sống ông Ngô Văn N và bà Lưu Hồng T mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 16-11-2002. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ngày 26-9-2018, ông Ngô Văn N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lưu Hồng T. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lưu Hồng T nhất trí ly hôn; ông Ngô Văn N và bà Lưu Hồng T có tranh chấp với nhau về tài sản khi ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà hai bên tranh chấp thể hiện: Tài sản các đương sự đang tranh chấp gồm có 15 thửa đất tại xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và tài sản gắn liền với 15 thửa đất, cụ thể:

Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 146), có diện tích 647m² là đất ở tại nông thôn có giá trị là 64.700.000 đồng. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 ba gian, nhà bếp, sân, bồn inox, đồ dùng sinh hoạt trong nhà và 70 cây keo. Tổng giá trị tài sản trên đất và đồ dùng sinh hoạt trong nhà là 94.200.000 đồng.

Thửa đất số 254 (được tách từ thửa đất số 134) tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 254) có diện tích 3.807m² là đất trồng cây lâu năm, có giá trị là 140.859.000 đồng. Trên đất có các cây keo, cây nhãn, cây xoài, cây bạch đàn Tổng giá trị tài sản trên đất là 16.049.000 đồng.

Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 31) có diện tích 2.455m² là đất trồng cây lâu năm, có giá trị là 90.835.000 đồng. Trên đất có 180 cây keo có trị giá 7.680.000 đồng.

Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 88) có diện tích 518m², là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 24.864.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 112, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 197) có diện tích 410m², là đất nuôi trồng thủy sản (hiện là ao cạn bỏ không) có giá trị là 13.530.000 đồng.

Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 183) có diện tích 260m² là đất trồng cây hàng năm khác, có giá trị là 10.920.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 111 bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 111) có diện tích 1.902m² là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 91.296.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 164) có diện tích 210m², là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 10.080.000 đồng. Trên đất có một ngôi nhà hai gian xây cay, 01 nhà tắm tạm phía sau, sân do anh Ngô Văn Đ xây, tổng giá trị tài sản trên đất là 112.552.300 đồng.

Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 182) diện tích 132m², là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 6.336.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 112, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 281) có diện tích 298m² là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 14.304.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 89, thuộc tờ bản đồ số 111, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 89) có diện tích 174m², là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 8.352.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 213, thuộc tờ bản đồ số 112, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 213) có diện tích 259m², là đất trồng cây hàng năm khác, có giá trị là 10.878.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 270, thuộc tờ bản đồ số 112, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 270) có diện tích 222m², là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 10.656.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 123, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 09) có diện tích 2.798m² là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 134.304.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 232, thuộc tờ bản đồ số 112, bản đồ địa chính xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 232) có diện tích 289m² là đất trồng lúa nước còn lại, có giá trị là 13.872.000 đồng; trên đất không có tài sản.

Ngày 23-5-1995, ông Ngô Văn N được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất đang có tranh chấp.

Năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã cấp đổi và cấp mới toàn bộ 15 thửa đất đang có tranh chấp cho hộ ông Ngô Văn N và bà Lưu Hồng T.

Về nợ: Ông Ngô Văn N và bà Lưu Hồng T có tranh chấp với nhau về khoản nợ 50.000.000 đồng mà bà Lưu Hồng T đã trả xong cho anh Ngô Văn V.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Ngô Văn N yêu cầu được ly hôn với bà Lưu Hồng T, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Toàn bộ 15 thửa đất đang có tranh chấp có nguồn gốc là ông cha để lại cho ông Ngô Văn N trước khi kết hôn với bà Lưu Hồng T. Hầu hết diện tích đất này đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên ông Ngô Văn N trước khi ông kết hôn với bà Lưu Hồng T. Sau khi kết hôn, hai bên có tạo dựng được tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 ba gian xây dựng năm 2000 tại thửa đất 146 và đồ dùng sinh hoạt trong nhà. Tài sản trên thửa đất số 164 là do con riêng của bà Lưu Hồng T tạo dựng nên. Năm 2013, do thực hiện cấp đổi, cấp mới nên 15 thửa đất đang có tranh chấp đều có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T. Khi ly hôn, nguyên đơn nhất trí cho bị đơn được sử dụng thửa đất số 164 có tài sản do anh Ngô Văn Đ xây dựng; ngôi nhà là tài sản chung vợ chồng xây dựng tại thửa đất số 146, nguyên đơn đề nghị chia đôi, bị đơn phải di chuyển một nửa ngôi nhà để trả lại đất cho nguyên đơn; còn các tài sản khác là tài sản riêng nên nguyên đơn không đồng ý phân chia. Khoản nợ 50.000.000 đồng bị đơn yêu cầu phân chia nguyên đơn không chấp nhận vì con chung có bị tai nạn giao thông nhưng chỉ bị xây xước nhẹ, không thể điều trị hết số tiền 50.000.000 đồng; mặt khác, việc bị đơn vay số tiền này ra sao nguyên đơn không được biết, không được tham gia.

Bị đơn bà Lưu Hồng T trình bày: Do vợ chồng không còn tình cảm nên bà cũng nhất trí ly hôn với ông Ngô Văn N, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Toàn bộ 15 thửa đất đang có tranh chấp có nguồn gốc là của nguyên đơn được bố mẹ cho từ trước khi lấy bị đơn. Năm 1995, nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một số thửa đất, còn một số thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996, sau khi kết hôn về chung sống cùng với nguyên đơn thì bị đơn đã cùng nguyên đơn quản lý, sử dụng canh tác cả 15 thửa đất để phát triển kinh tế gia đình. Năm 2013, cả 15 thửa đất đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả nguyên đơn và bị đơn. Khi ly hôn, bị đơn yêu cầu chia đôi toàn bộ tài sản trên, chia bằng hiện vật cho các bên, bị đơn đề nghị được lấy thửa đất số 164 trên đó có công trình xây dựng mà con riêng của bị đơn đã tạo lập. Đối với tài sản trên thửa đất 164, bị đơn đồng ý với ý kiến của anh Ngô Văn Đ là không yêu cầu bị

đơn phải trả lại giá trị tài sản trên đất là 112.552.300 đồng. Về nợ: Tháng 01-2018, bị đơn và nguyên đơn có vay nợ của anh Ngô Văn V 50.000.000 đồng để điều trị cho con trai là Ngô Quang C bị tai nạn giao thông. Tháng 7-2019, bị đơn đã đứng ra trả lại đủ 50.000.000 đồng cho anh Ngô Văn V, bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải có trách nhiệm đối với khoản nợ này, cụ thể: Nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút yêu cầu phân chia khoản nợ vì số tiền nợ hiện bị đơn đã thanh toán xong cho anh Ngô Văn V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn gồm có anh Ngô Văn C, anh Ngô Văn Đ đều nhất trí theo ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn V thừa nhận đã được bị đơn trả đủ số tiền 50.000.000 đồng đã vay, nay anh không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ Điều 55, khoản 1 Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 213, 280, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Văn N và bà Lưu Thị T.

2. Về tài sản chung:

- Giao các thửa đất và toàn bộ tài sản có trên đất cho ông Ngô Văn N sở hữu, sử dụng bao gồm:

Thửa số 146 tờ bản đồ số 111, có diện tích 647m² là đất ở tại nông thôn, tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất vườn của chủ hộ; phía Nam giáp đường ngõ vào nhà chính của chủ hộ; phía Đông giáp đất vườn của chủ hộ; phía Tây giáp đất vườn của chủ hộ. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 ba gian xây cay năm 2000 cùng công trình phụ, đồ dùng trong nhà có 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tivi LG 32inch, cây trồng trên đất có 70 cây keo.

Thửa số 254 (là thửa 134 cũ) tờ bản đồ số 111, có diện tích 3.807m² là đất trồng cây lâu năm, tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường dân sinh; phía Nam giáp đường liên xã; phía Đông giáp 1 phần đường dân sinh, một phần giáp ruộng Nông Văn H; phía Tây giáp một phần nhà ông Lưu Văn M, một phần giáp đường dân sinh. Trên đất có 458 cây keo, 04 cây nhãn, 02 cây xoài, 07 cây mận, 02 cây chanh, 15 cây chuối, 01 cây trứng gà, 01 cây mít, 01 cây xua, 02 cây đu đủ đang có quả, 03 cây xoan, 350 cây bạch Đàn.

Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 111, có diện tích 2.455m² là đất trồng cây lâu năm, tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu T; phía Nam

giáp đất bà Phùng Thị X và đất bà Lương Thị H; phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn S; phía Tây giáp đất ông Ngô Văn T. Trên đất có 180 cây keo.

Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 111 có diện tích 518m², là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ruộng nhà bà H (vợ ông Phương Văn Đ đã chết); phía Nam giáp đường dân sinh; phía Đông giáp đường dân sinh; phía Tây giáp ruộng ông Ngô Văn T; hiện trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 112, có diện tích 410m², là đất nuôi trồng thủy sản. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Ngô Văn T; phía Nam, phía Đông và phía Tây đều giáp đường dân sinh, hiện là ao cạn bỏ không.

Thửa đất số 183, tờ bản đồ 111, có diện tích 260m² là đất trồng cây hàng năm. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất ông Trần Văn T; phía Tây giáp đất ruộng chủ hộ; phía Nam giáp đất nhà ông Giáp Văn T; phía Bắc giáp đất nhà ông Nông Văn H, trên đất không có tài sản.

Tổng giá trị đất, công trình, vật kiến trúc, cây trên đất ông Ngô Văn N được nhận là 463.637.000 đồng.

- Giao các thửa đất và toàn bộ tài sản có trên đất cho bà Lưu Thị T được sở hữu, sử dụng bao gồm:

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 111 có diện tích 1.902m² là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường dân sinh; phía Nam giáp đường dân sinh đất và ruộng ông Ngô Văn T; phía Đông giáp đường dân sinh; phía Tây giáp đường liên xã; hiện trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 164, tờ bản đồ 111, có diện tích 210m², là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường đi vào nhà chính ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T; phía Nam giáp đường liên xã; phía Đông giáp đất ruộng ông Nông Văn H và ruộng ông Hoàng Văn T; phía Tây giáp đường liên xã. Trên đất có một ngôi nhà hai gian do anh Ngô Văn Đ xây. Gian ngoài xây năm 2016, mái lợp tôn, trần tôn, nền lát gạch hoa xeramic, cửa sắt xếp bít tôn. Gian trong xây năm 2017, mái lợp tôn, không trần, nền láng xi măng. Sân trước nhà láng xi măng. Nhà tắm tạm phía sau xây cay, không trát, cửa không cánh, không có mái che, nền láng xi măng.

Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 111, diện tích 132m², là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp ruộng ông Nông Văn H; phía Nam giáp ruộng ông Giáp Văn T; phía Đông giáp đất ông Trần Văn T; phía Tây giáp đất ông Nông Văn H, trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 281, có diện tích 298m² tờ bản đồ số 112 là đất trồng lúa nước. Thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn B; phía Nam giáp đất ông Ngô Văn T; phía Tây giáp đất ông Ngô Văn T; phía Đông giáp đất bà Hoàng Thị S, trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 89, thuộc tờ bản đồ số 111, có diện tích 174m², là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường dân sinh; phía Nam và phía Tây đều giáp đường dân sinh; phía Đông giáp ruộng, trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 213, thuộc tờ bản đồ số 112, có diện tích 259m², là đất trồng cây hàng năm. Thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Ngô Văn T; phía Nam giáp ruộng của chủ hộ; Phía Đông giáp đường dân sinh; Phía Tây giáp đường dân sinh, trên đất hiện không có tài sản.

Thửa đất số 270, thuộc tờ bản đồ số 112 có diện tích 222m², là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn B; phía Tây giáp đất ông Ngô Văn V; phía Nam giáp ruộng nhà ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T (chủ hộ); phía Bắc giáp nương, trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 123 có diện tích 2.798m² là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường dân sinh; phía Tây giáp ruộng bà Phương Thị T và đất ông Ngô Văn V; phía Nam giáp ruộng ông Ngô Văn H và ông Phương Văn Đ; phía Bắc giáp vườn bà Phương Thị T và Lương Thị H, trên đất không có tài sản.

Thửa đất số 232, thuộc tờ bản đồ số 112 có diện tích 289m² là đất trồng lúa nước. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường dân sinh; phía Tây giáp đường dân sinh; phía Nam giáp ruộng ông Nông Văn Q; phía Bắc giáp đất ruộng chủ hộ, trên đất không có tài sản.

Tổng giá trị đất, công trình, vật kiến trúc, cây trên đất bà Lưu Thị T được nhận là 300.078.000 đồng.

(Có sơ họa các thửa đất kèm theo).

3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Lưu Thị T và anh Ngô Văn Đ, cụ thể: Bà Lưu Thị T không phải hoàn trả số tiền 112.552.300 đồng tổng giá trị tài sản có trên thửa đất số 164 tờ bản đồ 111 cho anh Ngô Văn Đ do anh Ngô Văn Đ không yêu cầu.

4. Về nợ: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về khoản nợ giữa anh Ngô Văn V và bà Lưu Thị T.

5. Về chi phí tiến hành tố tụng: Buộc ông Ngô Văn N có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.750.000 đồng chi phí tiến hành tố tụng cho bà Lưu Thị T. Ông Ngô Văn N phải chịu chi phí tiến hành đo máy là 1.400.000 đồng, trong tổng số tiền 7.000.000 đồng đã nộp, hoàn trả cho ông Ngô Văn N số tiền 5.600.000 đồng tạm ứng chi phí tiến hành tố tụng và hoàn trả cho bà Lưu Thị T số tiền 3.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí tiến hành tố tụng. Số tiền hoàn trả trên ông Ngô Văn N bà Lưu Thị T đã được nhận lại tại Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ông Ngô Văn N có đơn kháng cáo về chia tài sản chung và chi phí tiến hành tố tụng; bà Lưu Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi thụ lý phúc thẩm, trên cơ sở nội dung kháng cáo và cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định trên các thửa đất số 111, 213, 232 có các cây trồng trên

đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định không có tài sản trên các thửa đất này là không đúng thực tế, không đảm bảo quyền lợi của các bên. Ngày 10-10-2019, cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với các tài sản hiện có trên các thửa đất số 111, 213, 232 (bổ sung). Qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Tại thửa đất số 111 có 10 cây keo đường kính gốc trên 10 đến 20cm, 280 cây keo đường kính gốc từ 05 đến 10cm, 280 cây keo có đường kính gốc dưới 05cm, giá trị cây trên đất là 9.620.000 đồng. Thửa đất số 213 có 48 cây keo đường kính gốc dưới 05cm, 50 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 05cm, giá trị tài sản trên đất là 784.000 đồng. Thửa đất số 232 có 48 cây keo đường kính gốc dưới 5cm, giá trị cây trên đất là 384.000 đồng. Toàn bộ các tài sản có trên đất đã được đương sự trồng trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Ngô Văn N thừa nhận toàn bộ tài sản là 15 thửa đất và tài sản trên 15 thửa đất (trừ tài sản trên thửa đất số 164) đều là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn. Đối với phần tài sản tại các thửa đất số 111, 232, 213 chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, nay nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm khi giải quyết kháng cáo phải xem xét phân chia giá trị tài sản trên 03 thửa đất này. Để đảm bảo quyền lợi cho tất cả, nguyên đơn đề nghị Tòa án hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung để giải quyết lại ở cấp sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người được ông Ngô Văn N ủy quyền (về vấn đề tài sản) nhất trí với ý kiến của nguyên đơn đã trình bày.

Người kháng cáo bà Lưu Hồng T thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể bà Lưu Hồng T rút nội dung kháng cáo về quan hệ hôn nhân và về nợ, còn các vấn đề kháng cáo khác bị đơn vẫn giữ nguyên. Đối với phần tài sản tại các thửa đất số 111, 232, 213 chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét là ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên, nay bị đơn cũng yêu cầu cấp phúc thẩm khi giải quyết kháng cáo phải xem xét phân chia giá trị tài sản trên 03 thửa đất này. Để đảm bảo quyền lợi cho tất cả, bị đơn cũng đề nghị Tòa án hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung để giải quyết lại ở cấp sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Văn Đ, anh Ngô Quang C nhất trí theo ý kiến của bị đơn. Với tư cách là người được chị Phùng Thị V ủy quyền, anh Ngô Văn Đ không bổ sung gì thêm.

Anh Ngô Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện anh vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

Luật sư Triệu Thị Kim L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án đình chỉ đối với những nội dung kháng cáo đã được rút. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét hết tài sản gắn liền với đất, cụ thể không xem xét cây trồng (cây keo, cây bạch đàn) trị giá 10.788.000 đồng tại các thửa đất số 111, 232, 213. Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên kháng cáo về tài sản chung và yêu cầu phân chia, giải quyết về giá trị tài sản hiện có là 10.788.000 đồng tại các thửa đất số 111, 232, 213 mà Tòa án cấp sơ

thẩm chưa giải quyết. Điều này ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của đương sự, không đảm bảo hai cấp xét xử. Nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm (về chia tài sản chung) giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vấn đề chia tài sản chung; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án về việc chia tài sản chung.

Luật sư Nguyễn Tài H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị đình chỉ xét xử đối với những nội dung kháng cáo đã được rút. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét hết tài sản gắn liền với đất, cụ thể không xem xét cây trồng (cây keo, cây bạch đàn) trị giá 10.788.000 đồng tại các thửa đất số 111, 232, 213. Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên kháng cáo về tài sản chung và yêu cầu phân chia, giải quyết về giá trị tài sản hiện có là 10.788.000 đồng tại các thửa đất số 111, 232, 213 mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Điều này ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của đương sự, không đảm bảo hai cấp xét xử. Nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm (về chia tài sản chung) giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vấn đề chia tài sản chung; yêu cầu kháng của nguyên đơn, bị đơn sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án về chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung kháng cáo: Việc kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo; bà Lưu Hồng T rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân và về nợ, do đó, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này.

Đối với kháng cáo của ông Ngô Văn N: Các thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Ngô Văn N để lại cho ông Ngô Văn N, nhiều thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn N vào năm 1995. Năm 1996, ông Ngô Văn N lấy bà Lưu Hồng T và hai người canh tác, sử dụng các thửa đất này. Năm 2013, các thửa đất tranh chấp đã được cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T. Trong thời kỳ hôn nhân, nguyên đơn, bị đơn không tạo lập thêm được thửa đất nào. Do đó, Bản án sơ thẩm khi giải quyết chia tài sản chung vợ chồng chưa xem xét về nguồn gốc hình thành tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đã chia cho bà Lưu Hồng T được quản lý, sử dụng các thửa đất số 111, 164, 182, 281, 89, 213, 270, 09, 232 là chưa đảm bảo, ảnh hưởng quyền lợi của ông Ngô Văn N. Tòa án sơ thẩm khi xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định chưa hết tài sản trên các thửa đất, cụ thể trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11-3-2019 của Tòa án sơ thẩm xác định

trên thửa đất số 111, 213, 232 không có tài sản. Do có kháng cáo của ông Ngô Văn N, ngày 10-10-2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định trên thửa đất số 111 có 570 cây keo; thửa đất số 213 có 48 cây keo và 50 cây bạch đàn; thửa đất số 232 có 48 cây keo. Về chi phí tố tụng, căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, mỗi người được chia tài sản chung phải chịu chi phí theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia. Do đó, việc xác định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản của đương sự trong vụ án là trên phần giá trị tài sản được chia. Qua phân tích trên cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét, thẩm định tại chỗ xác định trên thửa đất số 111, 213, 232 không có tài sản, nhưng khi Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, thẩm định thể hiện trên đất có tài sản. Các tài sản trên 03 thửa đất này chưa được xem xét giải quyết ở cấp sơ thẩm, để đảm bảo nguyên tắc xét xử, cần phải hủy một phần Bản án sơ thẩm về phần chia tài sản để xem xét hết các tài sản mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đối với chi phí tố tụng, khi giải quyết lại vụ án về chia tài sản chung sẽ được xác định lại theo quy định pháp luật trên cơ sở giá trị tài sản được chia.

Đối với kháng cáo của bà Lưu Thị T: Việc chia đất của Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét về nguồn gốc hình thành tài sản, chưa xác định hết tài sản trên đất tranh chấp, việc chia tài sản là chưa đảm bảo.

Do có vi phạm về thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, Bản án sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là chưa đảm bảo, ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn về phần tài sản chung vợ chồng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ngô Văn V theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lưu Hồng T rút yêu cầu kháng cáo về quan hệ hôn nhân, về nợ. Xét thấy, việc rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân, về nợ là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận việc rút kháng cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bên về chia tài sản chung, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các đương sự đều thừa nhận 15 thửa đất đang có tranh chấp và tài sản trên các thửa đất này (trừ tài sản trên thửa đất số 164) đều là tài sản chung vợ chồng của ông Ngô Văn N và bà Lưu Hồng T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tại các thửa đất số 111, 213 và 232 hiện không có tài sản gì. Qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 10-10-2019, cấp phúc thẩm thấy: Tại thửa đất số 111 có 10 cây keo đường kính gốc trên 10 đến 20cm, 280 cây keo đường kính gốc từ 5 đến 10cm, 280 cây keo có đường kính

gốc dưới 05cm, giá trị cây trên đất là 9.620.000 đồng. Tại thửa đất số 213 có 48 cây keo đường kính gốc dưới 5cm, 50 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 5cm, giá trị tài sản trên đất là 784.000 đồng. Tại thửa đất số 232 có 48 cây keo đường kính gốc dưới 5cm, giá trị cây trên đất là 384.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên 03 thửa đất này là 10.788.000 đồng. Toàn bộ các cây trồng hiện có trên 03 thửa đất này đều đã được đương sự trồng trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm đi xem xét thẩm định tại chỗ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu Tòa án giải quyết, phân chia toàn bộ tài sản chung bao gồm 15 thửa đất và tài sản gắn liền với đất trong đó có tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 111, 232, 213. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết, chưa quyết định về quyền và nghĩa vụ các bên đối với tài sản trên các thửa đất số 111, 232, 213. Xét thấy, cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của đương sự, không đảm bảo hai cấp xét xử. Vì vậy, để vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, cần hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn về chia tài sản chung; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết lại về chia tài sản chung theo thủ tục chung. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung, về chi phí tố tụng và yêu cầu của các đương sự khác trong vụ án sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Văn N được miễn, không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự có giá ngạch được xác định lại khi giải quyết lại về chia tài sản chung theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy một phần nên người kháng cáo ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, Điều 289, Điều 296, khoản 3 Điều 298, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lưu Hồng T (tên gọi khác Lưu Thị T) về quan hệ hôn nhân, về nợ; nội dung về quan hệ hôn nhân và về nợ của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn có hiệu lực pháp luật.

2. Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn về chia tài sản chung; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án (về chia tài sản chung) theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Ngô Văn N, bà Lưu Hồng T mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000104 ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: : AA/2016/0000105 ngày 19 tháng 8 năm 2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

